Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (UPCOM: SEA)

FireAnt

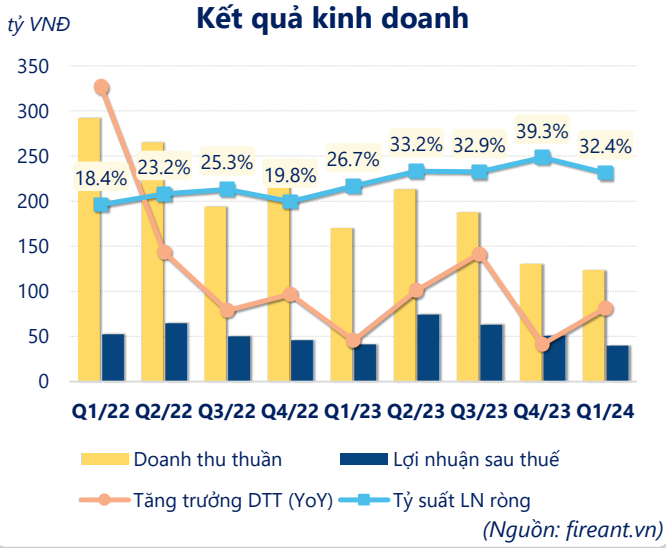
Ngày 31/03/2024	36,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.4%	**18.8%**	**61.4%**

ROE — 2023: **10.4%** | +/- YoY ▲ 1.5%

	Q1/24	QoQ	YoY
DT thuần	124 tỷ VNĐ	▼ 6.00 ▼ 4.8%	▼ 46.0 ▼ 27.2%
LN gộp	23.4 tỷ VNĐ	▼ 5.30 ▼ 18.4%	▼ 1.90 ▼ 7.5%
LN thuần	40.6 tỷ VNĐ	▼ 7.70 ▼ 15.9%	▼ 3.60 ▼ 8.0%
LN sau thuế	39.8 tỷ VNĐ	▼ 11.0 ▼ 21.7%	▼ 1.40 ▼ 3.4%

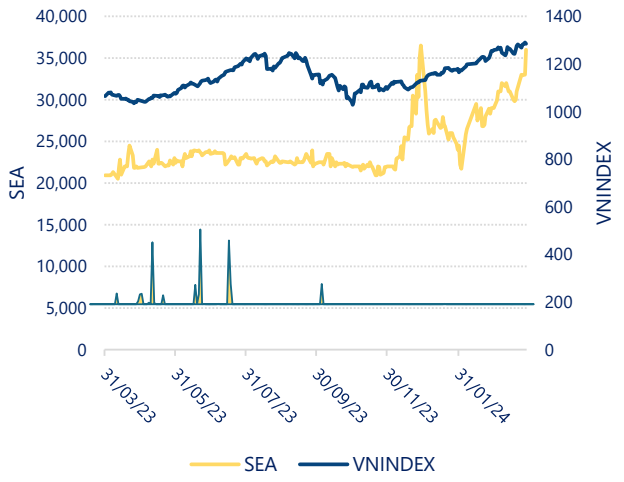
	2023	YoY
DT thuần	701 tỷ VNĐ	▼ 281 ▼ 28.6%
LN gộp	118 tỷ VNĐ	▼ 16.0 ▼ 11.9%
LN thuần	236 tỷ VNĐ	▲ 11.0 ▲ 4.8%
LN sau thuế	230 tỷ VNĐ	▼ 4.00 ▼ 1.7%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

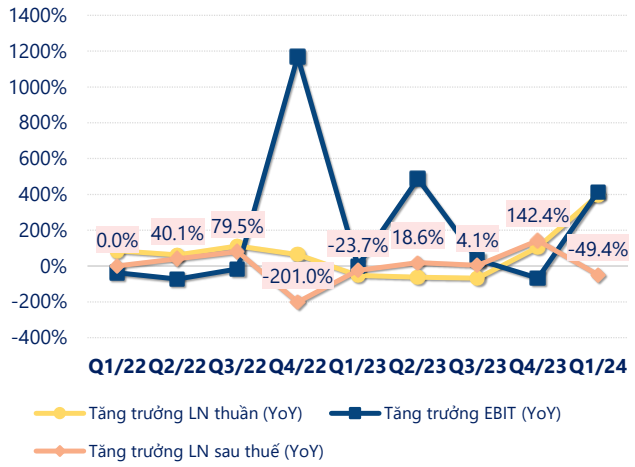
Lịch sử giá



Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (UPCOM: SEA)

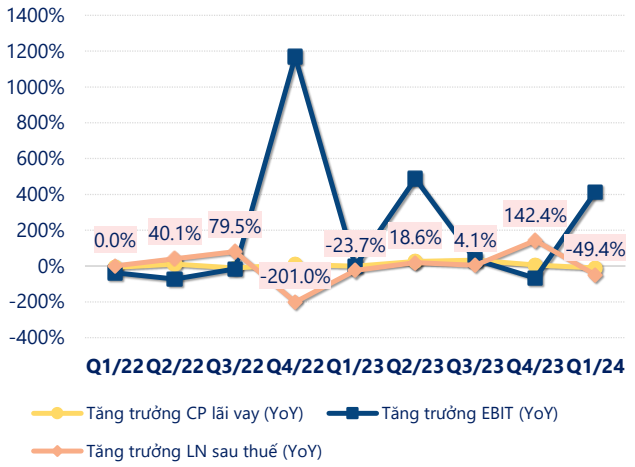
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



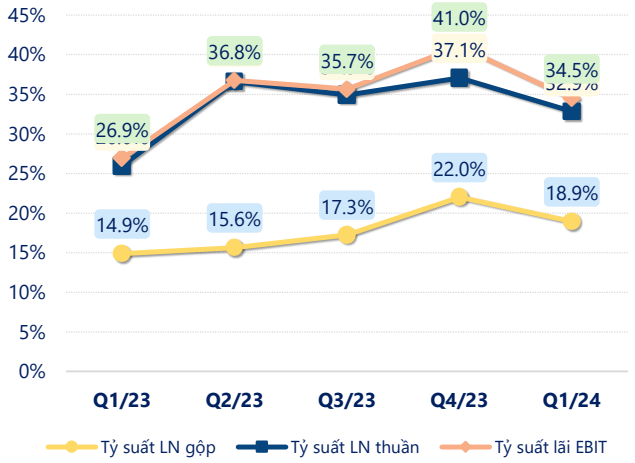
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



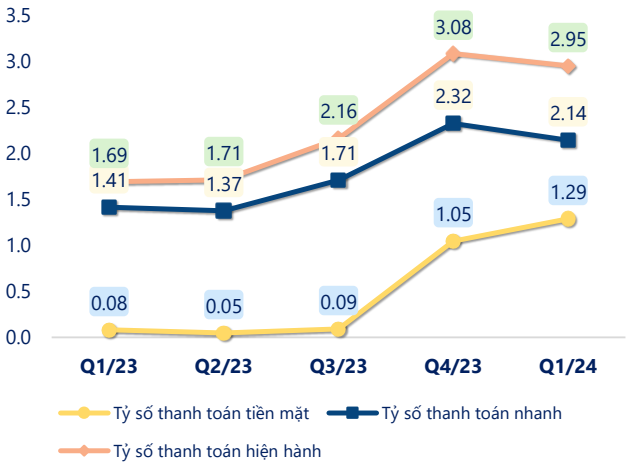
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



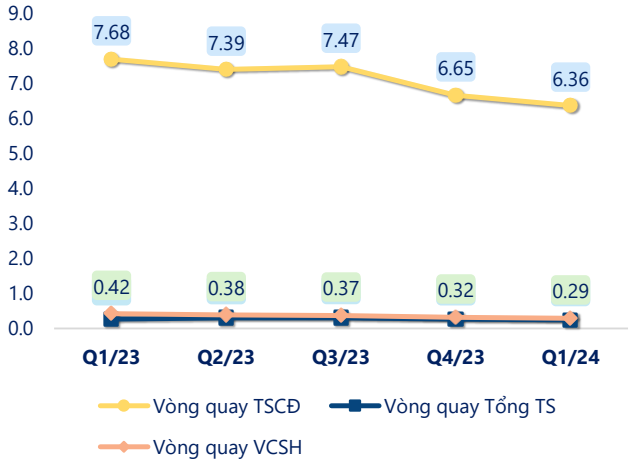
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



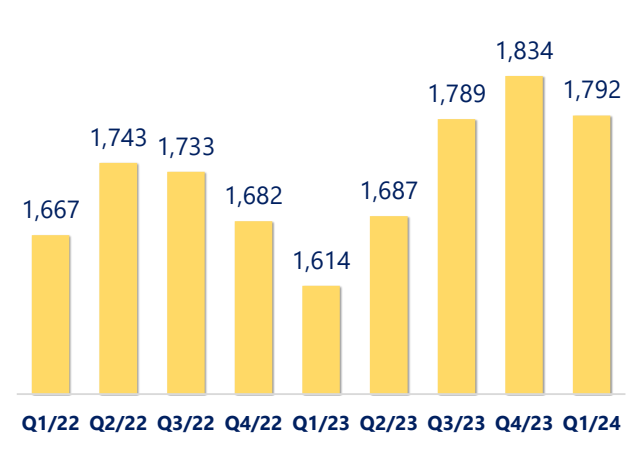
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



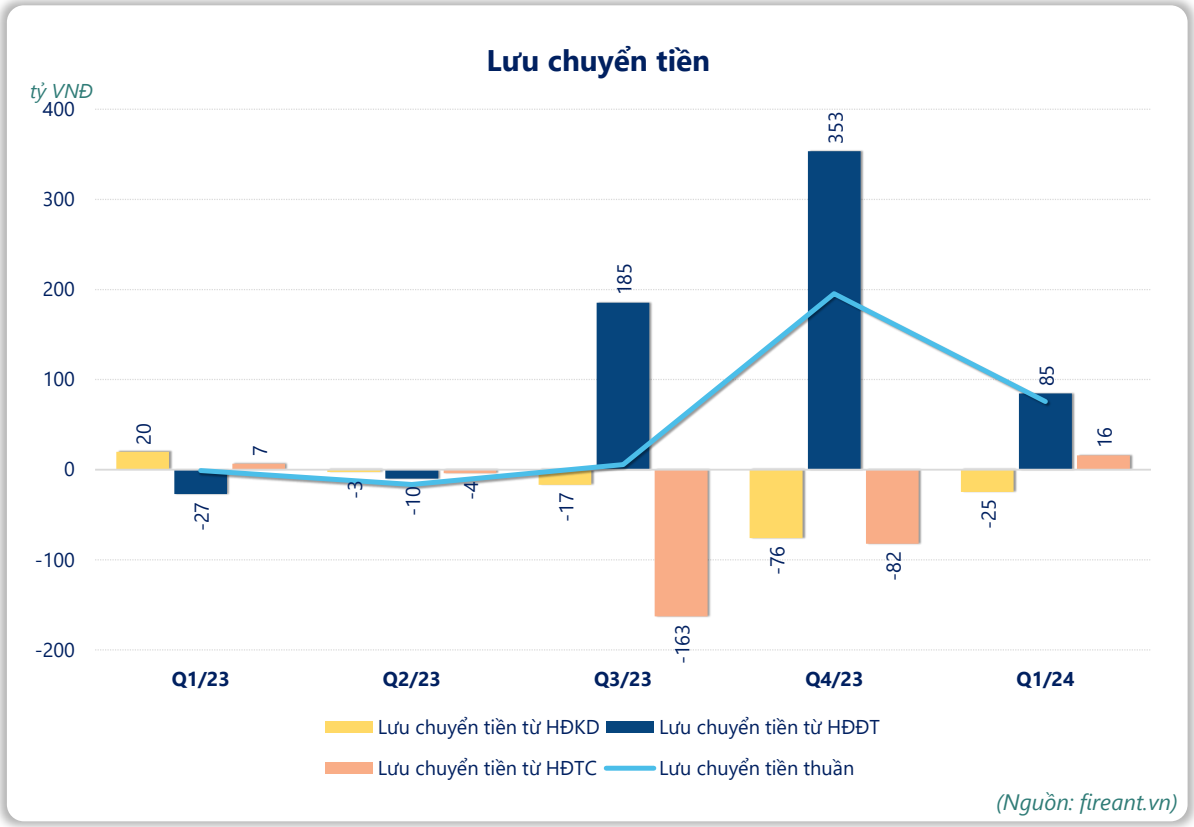
(Nguồn: fireant.vn)

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (UPCOM: SEA)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**124**	**170**	**-27.2%**	**701**	**982**	**-28.6%**
Giá vốn hàng bán	100	145	-30.8%	583	848	-31.2%
Lợi nhuận gộp	23.4	25.3	-7.5%	118	134	-11.9%
Doanh thu HĐTC	5.53	13.2	-58.1%	56.2	53.0	6.0%
Chi phí TC	1.71	1.71	0.0%	19.0	15.3	24.8%
Chi phí lãi vay	1.30	1.48	-12.1%	5.59	4.94	13.2%
LN trong công ty LKLD	**34.8**	**39.1**	**-10.9%**	**197**	**170**	**15.5%**
Chi phí bán hàng	6.65	7.95	-16.4%	37.3	44.1	-15.6%
Chi phí QLDN	**14.8**	**23.7**	**-37.7%**	**78.3**	**72.4**	**8.2%**
LN thuần từ HĐKD	40.6	44.2	-8.0%	236	225	4.8%
Lợi nhuận khác	**0.69**	**0.14**	**396%**	**2.96**	**18.2**	**-83.7%**
LN trước thuế	41.3	44.3	-6.7%	239	244	-1.8%
Lợi nhuận sau thuế	**39.8**	**41.2**	**-3.4%**	**230**	**234**	**-1.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**40.1**	**45.3**	**-11.4%**	**229**	**230**	**-0.3%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)